

Phiên thứ Sáu, ngày 15 tháng 01 năm 2021

VNINDEX:	1194.2
Giá trị: 18,698.35 tỷ	6.8(0.57%)
Khối ngoại(ròng):	-2,245.54 tỷ
HNX-INDEX:	225.47
Giá trị: 2,952.467 tỷ	3.2(1.44%)
Khối ngoại(ròng):	23.91 tỷ
UPCOM-INDEX:	78.64
Giá trị: 1,100.306 tỷ	0.89(1.14%)
Khối ngoại(ròng):	-45.48 tỷ

Thông số vĩ mô:

	Giá trị	%
Giá dầu	53.1	-0.84
Giá vàng	1,853	0.35
Tỷ giá USD/VND	23,067	0.05
Tỷ giá EUR/VND	28,115	-0.1
Tỷ giá JPY/VND	22,244	0.15
LS liên ngân hàng 1 tháng	0.4	39.84
LS TPCP 5 năm	0.9	-14.29

(Nguồn: Bloomberg)

Top giao dịch khối ngoại (Tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	44	MSN	1839
NVL	37.1	HPG	164.6
SSI	36.9	CTG	86.7
STB	32	GAS	77.3
SBT	25.8	VND	52.3

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

VN-Index tiếp tục có một tuần giao dịch rất lạc quan về điểm số. Thanh khoản các phiên trong tuần liên tục nằm trên mức trung bình 20 phiên gần nhất. Các chỉ số thị trường biến động tích cực trong tuần qua. VN-Index kết thúc tuần tăng 2.27% đạt mức 1,194.2 điểm; HNX-Index đóng cửa tuần tăng 3.71% dừng tại 225.47 điểm. Thanh khoản trung bình trên cả hai sàn biến động cùng chiều trong tuần qua. Khối lượng khớp lệnh trung bình trên sàn HOSE đạt hơn 738 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 1.72% so với tuần giao dịch trước. Sàn HNX đạt trung bình hơn 160 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 18.98%. Nhìn chung, diễn biến thị trường chứng khoán tuần qua khả quan với 4/5 phiên tăng điểm. Thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh ở giữa tuần. Khép lại tuần giao dịch là phiên tăng điểm tích cực. Tâm điểm trong tuần qua tập trung ở các cổ phiếu như VHM, GVR, HPG, BCM khi liên tục bứt phá tốt. Trong đó, nổi bật là VHM với mức tăng ấn tượng hơn 5% và đóng góp hơn 5 điểm vào đà tăng của VN-Index. Diễn biến nhóm bất động sản khá lạc quan. Các cổ phiếu nổi bật trong ngành đều có được mức tăng tốt như NLG tiến 1.89%, KDH bật mạnh đến 11.67%, PDR tăng 7.66%, DIG tăng 6.77%, DXG tiến 1.45%, VPI leo dốc đến 11.51%. Trong khi đó, ông lớn đầu ngành VIC thì sụt giảm nhẹ 0.53%. Hầu hết các cổ phiếu trong ngành dầu khí đều đạt sự tăng trưởng tích cực. Có thể kể đến như PVS tăng 5.63%, PVD tiến 16.03%, PVB tăng 13.88%, PVC tăng 3.37%, POW tăng 2.97%, PVT tăng 7.11%, OIL tăng nhẹ 0.85%. Ông lớn đầu ngành GAS sụt giảm hơn 1%. GAS vừa công bố ước tính doanh thu năm 2020 trên 66 ngàn tỷ đồng và lãi sau thuế gần 8 ngàn tỷ đồng, giảm khoảng 12% và 34% so với thực hiện 2019. Ngành ngân hàng tiếp tục giao dịch sôi động trong tuần qua. Các Large Cap đầu ngành đều cho thấy sắc xanh tích cực như BID, CTG, TCB, VPB, MBB, ACB. Nhà đầu tư nước ngoài: Bán ròng gần 2,193 tỷ đồng trên cả hai sàn. Khối ngoại bán ròng hơn 2,120 tỷ đồng trên sàn HOSE và bán ròng gần 73 tỷ đồng trên sàn HNX.

Cập nhật hàng giá cả thị trường hàng hóa 15/01

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.59	0.04%	2.60%	13.70%	-1.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	56.31	-0.19%	0.60%	12.10%	0.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	155.61	0.14%	0.90%	17.70%	1.73%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1852.29	0.31%	0.20%	-0.10%	18.19%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.65	0.50%	0.90%	4.70%	46.79%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1429.25	-0.09%	4.00%	21.70%	50.37%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	672.75	0.41%	5.30%	12.80%	14.56%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.22	-0.55%	-3.70%	0.00%	-5.70%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	235.08	2.21%	-0.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.67	5.24%	6.90%	15.50%	12.48%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	127.35	1.68%	5.20%	4.70%	1.07%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8048.50	0.49%	-1.60%	2.20%	28.21%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	676.33	2.29%	-2.10%	10.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	694.72	1.56%	-3.40%	5.10%			
Nhôm	USD/ton	2005.50	-0.37%	-1.50%	-2.60%	10.68%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	164.06	2.33%	-0.20%	9.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	88.35	-0.51%	11.00%	10.80%	24.17%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 2/2021 tăng 36 US cent tương đương 0.6% lên 56.42 USD/thùng và dầu thô WTI kỳ hạn tháng 2/2021 tăng 66 US cent tương đương 1.3% lên 53.57 USD/thùng. Giá dầu tăng được hỗ trợ bởi chỉ số đồng USD giảm, sau khi chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Jerome Powell cho biết Ngân hàng Trung ương Mỹ sẽ không sớm tăng lãi suất.
- Nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc năm 2020 tăng 7.3%, với mức cao kỷ lục trong quý 2 và quý 3/2020, khi các nhà máy lọc dầu mở rộng hoạt động và giá dầu ở mức thấp đã khuyến khích dự trữ.
- Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu (OPEC) giữ nguyên dự báo nhu cầu dầu toàn cầu không thay đổi và cho biết việc sử dụng dầu sẽ tăng 5.9 triệu thùng/ngày trong năm nay lên 95.91 triệu thùng/ngày, sau khi giảm kỷ lục 9.75 triệu thùng/ngày vào năm ngoái do đại dịch.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 1,848.22 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 2/2021 trên sàn New York giảm 0,2% xuống 1,851.4 USD/ounce. Giá vàng tăng sau bình luận của chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Jerome Powell, làm gia tăng kỳ vọng môi trường lãi suất thấp hơn, trong khi triển vọng về các biện pháp kích thích của Mỹ đã khiến vàng trở nên hấp dẫn hơn và được coi là biện pháp phòng ngừa lạm phát.
- Tổng thống đắc cử Mỹ, Joe Biden sẽ công bố gói kích thích đề xuất 1.9 nghìn tỉ USD.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.6% lên 1,055 CNY (163.09 USD)/tấn. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc không thay đổi ở mức 171.5 USD/tấn. Thép cây

kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 0.1% lên 4,294 CNY/tấn, trong khi giá thép cuộn cán nóng giảm 0.02% xuống 4,429 CNY/tấn.

- Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong năm 2020 đạt mức cao kỷ lục 1.17 tỉ tấn, song nhập khẩu trong tháng 12/2020 giảm khi thị trường nước ngoài dần hồi phục.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Osaka tăng 1.5 JPY tương đương 0.6% lên 239.2 JPY (2.3 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 35 CNY lên 14,265 CNY (2,206 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm, do các trường hợp nhiễm virus corona mới trên toàn cầu gia tăng bao gồm nước mua hàng đầu – Trung Quốc – đẩy lên mối lo ngại về việc đóng cửa nhiều hơn và nhu cầu hàng hóa suy giảm.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 5.2% lên 16.67 US cent/lb – cao nhất kể từ 4/2017. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 4% lên 464.4 USD/tấn – cao nhất kể từ tháng 5/2017.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 2.1 US cent tương đương 1.7% lên 1.2735 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 thay đổi nhẹ ở mức 1,332 USD/tấn.
- Tại Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo hàng đầu, giá gạo 5% tằm không thay đổi ở mức 383-390 USD/tấn. Đối với loại 5% tằm, giá gạo Việt Nam không thay đổi so với cách đây 1 tuần, ở mức 500-505 USD/tấn- cao nhất kể từ tháng 12/2011.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.8	-0.1%	1.2	2,515	4.7	8,517	15.0	3.8	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	82.5	0.5%	1.2	816	1.9	4,592	18.0	3.8	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	69.4	-0.9%	1.5	2,240	4.2	1,731	40.1	2.6	28.3%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	36.1	-0.3%	0.4	351	0.2	2,729	13.2	1.2	54.3%	9.1%
VIC	Bất động sản	111.2	0.7%	0.8	16,353	5.9	2,660	41.8	4.4	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	36.7	0.3%	1.1	3,626	5.4	1,001	36.7	2.9	31.4%	8.1%
VHM	Bất động sản	101.6	2.0%	1.2	14,531	9.1	6,895	14.7	4.5	22.2%	35.4%
DXG	Bất động sản	17.4	-4.7%	1.4	392	25.2	(151)		1.4	34.5%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	37.0	4.5%	1.4	962	23.1	1,834	20.2	2.4	45.3%	11.5%
VCI	Chứng khoán	62.3	3.0%	1.0	449	5.7	3,770	16.5	2.6	27.4%	15.9%
HCM	Chứng khoán	34.2	1.5%	1.6	453	10.9	1,705	20.0	2.3	47.8%	11.8%
FPT	Công nghệ	66.6	0.3%	0.8	2,270	4.5	4,236	15.7	3.5	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	61.9	-0.2%	0.4	736	0.0	4,812	12.9	3.3	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	91.6	-0.5%	1.4	7,623	7.0	4,752	19.3	3.8	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	56.0	-0.4%	1.5	2,968	3.0	681	82.2	3.3	15.7%	4.3%
PVS	Dầu khí	21.6	3.8%	1.6	449	13.0	1,621	13.3	0.8	10.7%	6.3%
BSR	Dầu khí	12.6	0.8%	0.8	1,699	4.4	898	14.0	1.1	41.1%	8.5%
DHG	Dược	108.0	-0.8%	0.4	614	0.4	5,405	20.0	4.2	54.7%	21.7%
DPM	Hóa chất	19.7	0.3%	0.5	334	2.8	2,011	9.8	1.0	12.7%	10.4%
DCM	Hóa chất	14.3	0.0%	0.5	328	2.2	858	16.6	1.2	3.0%	7.4%
VCB	Ngân hàng	103.2	-0.7%	1.1	16,642	4.9	4,630	22.3	4.1	23.8%	19.7%
BID	Ngân hàng	48.9	0.0%	1.3	8,542	5.1	2,126	23.0	2.5	17.4%	12.5%
CTG	Ngân hàng	39.5	0.9%	1.2	6,395	19.5	2,948	13.4	1.8	28.9%	14.0%
VPB	Ngân hàng	37.3	1.2%	1.2	3,976	7.6	4,111	9.1	1.8	23.4%	22.2%
MBB	Ngân hàng	26.8	1.3%	1.2	3,255	23.3	2,968	9.0	1.6	23.0%	20.0%

ACB	Ngân hàng	30.3	1.3%	0.9	2,843	10.7	3,109	9.7	2.0	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	64.1	-1.1%	0.8	228	1.0	6,186	10.4	2.2	81.9%	20.7%
NTP	Nhựa	38.2	0.0%	0.4	196	0.1	3,820	10.0	1.7	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	24.6	-0.8%	0.5	1,176	1.5	356	69.1	2.0	11.6%	2.9%
HPG	Thép	44.5	0.1%	1.2	6,410	28.6	3,241	13.7	2.7	32.4%	21.3%
HSG	Thép	25.3	1.0%	1.5	489	7.5	2,507	10.1	1.7	11.6%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	113.9	0.7%	0.7	10,348	10.5	4,784	23.8	8.1	57.8%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	200.5	-2.2%	0.8	5,590	2.0	6,312	31.8	6.5	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	93.0	0.8%	1.0	4,750	8.7	2,067	45.0	5.3	33.6%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	23.8	4.2%	1.0	639	8.0	702	33.9	2.0	2.2%	5.5%
ACV	Vận tải	80.3	-1.0%	0.8	7,600	2.0	3,450	23.3	4.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	131.8	0.8%	1.1	3,002	4.3	(1,528)		4.9	18.7%	-5.6%
HVN	Vận tải	30.9	0.2%	1.7	1,902	1.9	(7,345)		6.4	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	35.8	0.0%	0.9	468	6.0	1,179	30.3	1.8	38.6%	5.8%
PVT	Vận tải	16.1	7.0%	1.2	227	7.2	1,709	9.4	1.1	14.2%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.3	0.3%	1.0	609	1.0	8,260	10.9	3.8	3.4%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	27.2	0.7%	0.7	530	0.1	1,411	19.3	1.9	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.9	0.0%	0.9	313	1.0	1,762	10.7	1.3	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	83.1	-1.1%	1.1	276	3.9	7,505	11.1	0.7	45.8%	6.9%
CII	Xây dựng	23.9	-0.2%	0.4	248	2.5	114	209.0	1.1	29.0%	0.5%
REE	Điện	53.5	0.9%	-1.4	719	2.1	4,599	11.6	1.5	49.0%	13.7%
PC1	Điện	23.6	-0.4%	-0.4	196	0.5	2,241	10.5	1.2	13.6%	11.8%
POW	Điện	14.4	1.1%	0.6	1,461	7.0	679	21.1	1.2	8.5%	5.8%
NT2	Điện	25.0	0.0%	0.5	313	1.2	2,103	11.9	1.8	18.6%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	34.4	3.1%	1.0	703	16.1	879	39.1	1.7	16.1%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	51.7	-1%	1.1	2,327	0.3			3.5	1.9%	

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG:

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VNINDEX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	101.6	2.01	1.8	2.08MLN
TCB	36.85	3.08	1.04	17.36MLN
VIC	111.2	0.72	0.73	1.24MLN
STB	21.1	4.98	0.51	51.69MLN
HDB	27.9	4.1	0.48	7.1MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX -index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.2	10	0.79	2.72MLN
SHS	31	5.44	0.53	4.91MLN
IDC	47	9.3	0.41	6.44MLN
PVS	21.6	3.85	0.32	13.93MLN
SHB	19.2	0.52	0.24	59.2MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VNINDEX

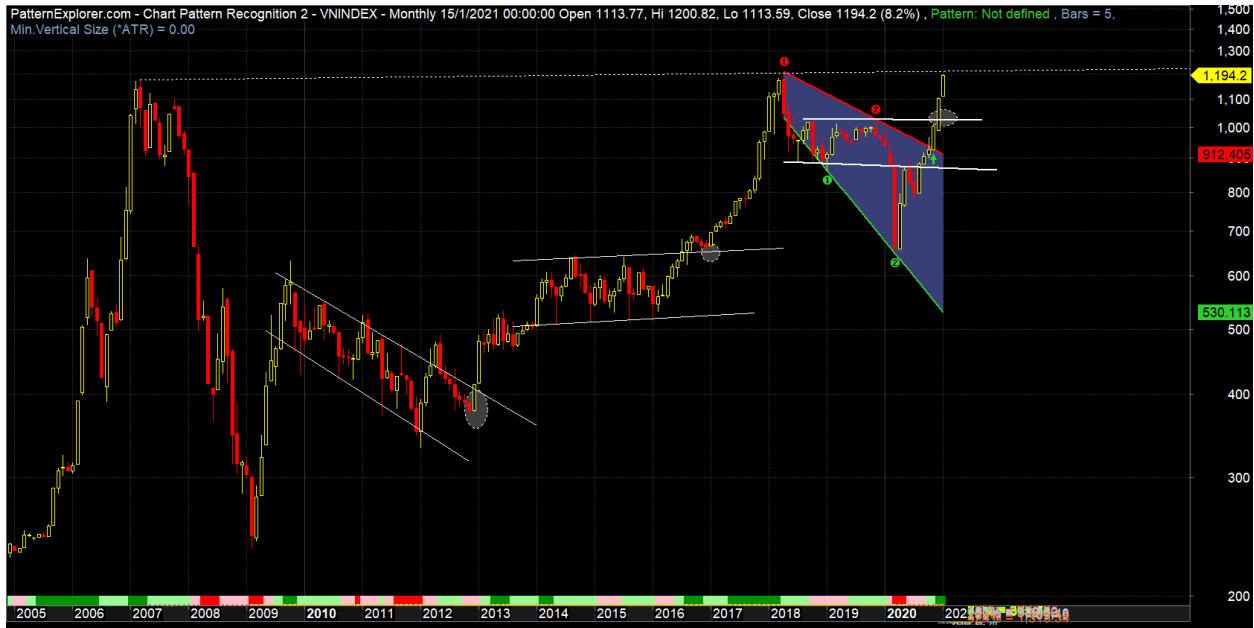
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	200.5	-2.2	-0.78	229,500
NVL	72.5	-3.6	-0.72	6.71MLN
VCB	103.2	-0.7	-0.7	1.1MLN
GVR	32.4	-0.8	-0.27	5.48MLN
GAS	91.6	-0.5	-0.26	1.77MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	16.7	-2.91	-0.04	79,700
NTH	26.5	-9.86	-0.03	5,400
KLF	2.8	-3.45	-0.03	9.55MLN
PGS	21	-2.33	-0.03	61,200
CAG	45.8	-9.84	-0.02	2,200

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT:

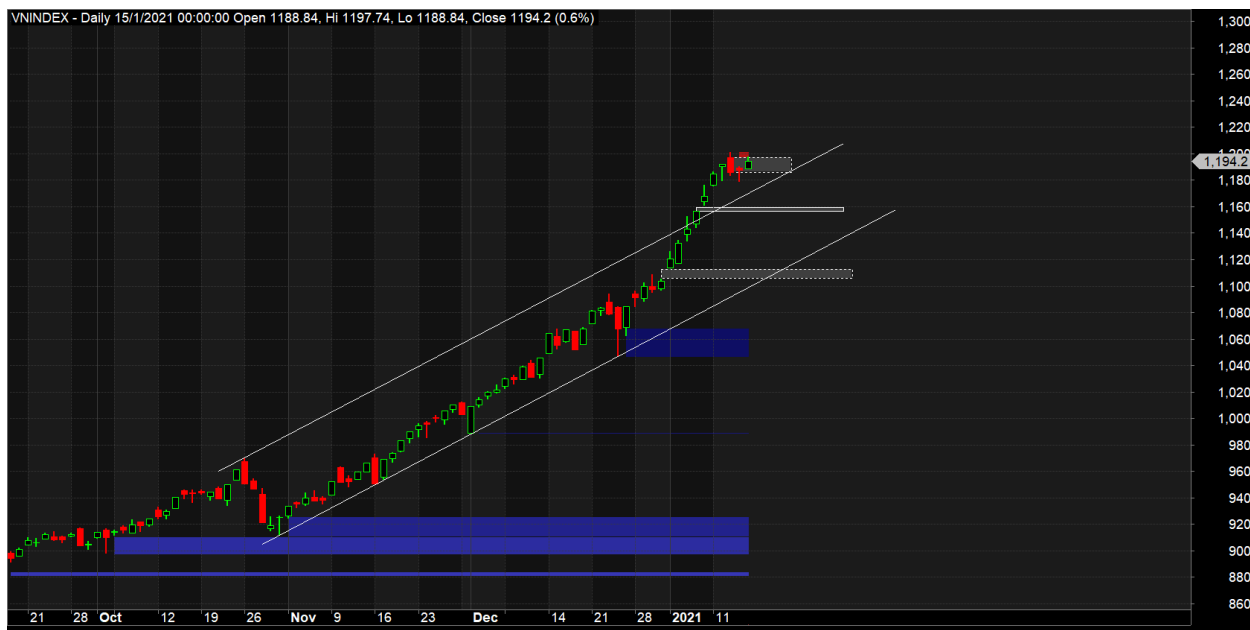
Trên đồ thị tháng, VNINDEX vẫn trong trạng thái tăng điểm tích cực và tiến lên trendline dài hạn xung quanh 1210.



Trên đồ thị tuần, VNINDEX sau khi tạo ra 1 gap ở vùng 1110 đã tiếp tục tăng điểm mạnh mẽ và tiến về vùng đỉnh 1200 và tiệm cận fibo 361.8% tương ứng với 1230.



Trên đồ thị ngắn hạn, VNINDEX đang lưỡng lự tại vùng tiệm cận 1200 và tạo ra 1 cây nến STM đỏ bao phủ, chỉ số đang sideway tại đây từ 3-5 phiên để xác nhận xu hướng tiếp theo. Chỉ số sức mạnh RSI đang ở vùng quá mua khá lâu.



DỰ BÁO TUẦN 18/01 – 22/01:

Thế giới vẫn chứng kiến sự bùng phát của dịch bệnh Sar Cov 2 với những biến thể mới, số ca mắc bệnh và số người chết vẫn chưa có hiệu giảm rõ rệt. Vaccin cũng đang được sản xuất với số lượng lớn và cung cấp đến khắp các nơi trên thế giới. Lãi suất vẫn được duy trì ở mức thấp để hỗ trợ cho nền kinh tế các nước trong thời kỳ khủng hoảng. Sau khi lên nhận chức, ông Biden sẽ kêu gọi tung ra gói cứu trợ trị giá 1.900 tỷ USD, bên cạnh đó là quan hệ bình thường với Iran và sẽ xóa bỏ hàng loạt các chính sách của ông Trump trước đó, dự báo sẽ có ảnh hưởng tức thì đến tâm lý thị trường.

Trong nước, các doanh nghiệp đã dần có báo cáo ước tính lợi nhuận quý 4/2020, sự phân hóa diễn ra khá mạnh. Báo cáo đã phản ánh hầu như toàn bộ vào giá trên thị trường, động lực của sự tăng giá đã không còn quá nhiều kỳ vọng.

Dự báo tuần tới, thị trường sẽ sideway tiệm cận 1200 để thử thách cung cầu một lần nữa trước khi có tín hiệu xác nhận rõ ràng.

BỘ LỘC CỔ PHIẾU TUẦN QUA:

STT	CK	Thời gian	GIÁ(CLOSE)	KHỐI LƯỢNG
1	CSV	12/1	30.7	861,500
2	DRC	11/1	24.8	2,345,100
3	DXP	12/1	18.4	1,190,300
4	EVF	12/1	10.3	2,301,800
5	VOC	15/1	24	1,272,600
6	PFL	11/1	3.2	1,423,100
7	VND	14/1	30.7	8,409,700
8	VCI	15/1	62.3	2,138,300
9	VEA	12/1	49	770,800

10	VHC	11/1	43.3	2,692,000
----	-----	------	------	-----------

Chú ý: Dòng tiền đang tập trung trở lại dòng penny một số cổ phiếu ngành điện

Hành động:

- Nhà đầu tư ngắn hạn: Có thể tranh thủ cơ cấu danh mục dài ngân T+ với các cổ phiếu dầu cơ và penny (chi tiết xin liên hệ 024 3573 0200 - máy lẻ 808)
- Nhà đầu tư trung hạn: Dài ngân trở lại các mã ngành Bất động sản nhà ở, khu công nghiệp, thủy sản - chăn nuôi, điện và thép.

Báo cáo này được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia phân tích của công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC, bài viết chỉ có giá trị tham khảo, APEC không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc sử dụng tài liệu này



Phát hành bởi: Phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Xuân Đức

Hội sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Tel: (84-24) 35730200 ext: 808

Fax: (84-24) 35771966

Email: ducnx@apex.com.vn; Website: <http://www.apex.com.vn>